ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 41 /QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày 06 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước Hải Phòng

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ về ban hành Điều lệ mẫu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định về quản lý người chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1944/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của Uỷ ban nhân dân thành phố về việc đăng ký lại ngành nghề kinh doanh; sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước Hải Phòng;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 46/TTr-KHĐT ngày 14/11/2019, Công văn số 2745/KHĐT-DN ngày 29/11/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước Hải Phòng để sửa đổi, thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước Hải Phòng đã được ban hành kèm theo Quyết định số 1944/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước Hải Phòng thực hiện việc đăng ký kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân thành phố, Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và

Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Nội vụ, Thủ trưởng các ngành liên quan, Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước Hải Phòng căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1944/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBNDTP;
- CVP, các PCVP;
- CV: DN, XD, TC;
- Lưu VP.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thành

UỶ BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THOÁT NƯỚC HẢI PHÒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Năm 2020

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ.

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

2. *Vốn điều lệ* là số vốn của Chủ sở hữu đầu tư và được ghi tại Điều lệ của Công ty.

3. *Vốn góp chi phối* là vốn góp của Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác.

4. *Công ty* là Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước Hải Phòng.

5. *Đơn vị trực thuộc* là các đơn vị phụ thuộc Công ty, có thể tự chủ về tài chính, hạch toán theo phân cấp của Công ty.

6. *Sản phẩm công ích* là sản phẩm do công ty dịch vụ tạo ra theo đấu thầu, đặt hàng hoặc ra kế hoạch của Chủ sở hữu không vì mục tiêu lợi nhuận.

7. *Người quản lý công ty* là Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên Công ty.

8. *Người đại diện theo uỷ quyền* là cá nhân được Chủ tịch Công ty uỷ quyền bằng văn bản để thực hiện các quyền của Chủ tịch Công ty tại Công ty.

9. *Các từ ngữ khác* trong điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ Luật dân sự, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa tương tự như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 2. Tên gọi của Công ty.

Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 998/QĐ- UBND ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng "Về việc chuyển Công ty Thoát nước thành Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước Hải Phòng".

1. Tên Công ty.

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THOÁT NƯỚC HẢI PHÒNG

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: HAIPHONG SEWERAGE AND DRAINGE ONE MEMBER LIMITED COMPANY.

- Tên Công ty viết tắt tiếng Anh: HPSADCO, LTD

2. Trụ sở chính.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Điện thoại: 031.3.822543; Fax: 031.3.747072

- Website: www.thoatnuochp.com.vn

Điều 3. Tư cách pháp nhân Công ty.

- Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước Hải Phòng là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được thành lập theo hình thức chuyển từ công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước.

- Công ty có quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, biểu tượng riêng, thương hiệu riêng của Công ty theo quy định của pháp luật.

- Công ty được sử dụng con dấu theo quy định; được mở tài khoản bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước; Là đơn vị hạch toán độc lập, tự chủ về tài chính, thực hiện chế độ tài chính, chế độ báo cáo thống kê, kế toán, kiểm toán và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Thời hạn hoạt động.

Thời hạn hoạt động của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Thời gian bắt đầu hoạt động tính từ ngày được cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Việc chấm dứt hoặc gia hạn thời hạn hoạt động của Công ty do chủ sở hữu là Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, quản trị và điều hành Công ty.

Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Chi phối hoạt động của Công ty là Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị khác.

Các tổ chức: Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên Công sản Hồ Chí Minh hoạt động theo Điều lệ của tổ chức đó, phù hợp với quy định của hiến pháp và pháp luật. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức hoạt động theo chức năng của mình.

Chương II

VỐN ĐIỀU LỆ, CÁCH THỨC ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 7. Vốn điều lệ, cách thức điều chỉnh vốn điều lệ.

1. Vốn điều lệ: **31.020.000.000 đồng** (*Ba mươi mốt tỷ, không trăm hai mươi triệu đồng*).

2. Công ty không được giảm vốn điều lệ.

3. Công ty tăng vốn điều lệ bằng việc Chủ sở hữu đầu tư thêm hoặc huy động thêm vốn góp của người khác.

4. Chủ sở hữu quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ. Trường

hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, Công ty phải đăng ký chuyển đổi thành Công ty TNHH Hai thành viên trở lên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thành viên mới cam kết góp vốn.

Chương III

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Điều 8. Chủ sở hữu.

Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

Địa chỉ: Số 18 phố Hoàng Diệu, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Điều 9. Quyền của chủ sở hữu Công ty.

1. Quyết định nội dung Điều lệ Công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

2. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

3. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý của Công ty, bao gồm Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên công ty;

4. Quyết định các dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

5. Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

6. Quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

7. Quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác.

8. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác.

9. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động của công ty.

10. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty.

11. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi Công ty hoàn toàn giải thể hoặc phá sản.

12. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 10. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty.

1. Góp vốn đủ và đúng hạn đã ghi trong Điều lệ; trường hợp không đủ và đúng hạn số vốn đã ghi trong Điều lệ thì phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ Công ty.

3. Phải xác định và tách bạch tài sản của Chủ sở hữu Công ty và tài sản Công ty.

4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê, và các giao dịch khác giữa Công ty và Chủ sở hữu Công ty.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Điều 11. Hạn chế quyền của Chủ sở hữu Công ty.

1. Chủ sở hữu Công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

Trường hợp chuyển nhượng một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác, Công ty phải đăng ký chuyển đổi thành Công ty TNHH Hai thành viên trở lên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày chuyển nhượng.

2. Chủ sở hữu Công ty không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Chương IV

MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 12. Mục tiêu hoạt động của Công ty.

Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ do chủ sở hữu định hướng nhằm (đáp ứng nhiệm vụ dịch vụ công ích) và tối đa hoá lợi nhuận, đảm bảo lợi ích của chủ sở hữu, nhà nước, doanh nghiệp và người lao động; Cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động trong Công ty; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước.

Điều 13. Ngành nghề kinh doanh của Công ty.

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700 (chính)
2.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
3.	Phá dỡ	4311
4.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
5.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
6.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình xây dựng	4330

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
7.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
8.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cấp thoát - nước, công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật. Tư vấn giám sát công trình hạ tầng kỹ thuật	7110
9.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Quản lý dự án, thẩm tra dự án công trình cấp thoát nước	7020
10.	Xây dựng nhà để ở	4101
11.	Xây dựng nhà không để ở	4102
12.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
13.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Công trình dân dụng, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng khu đô thị, hè đường	4299
14.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Công trình công nghiệp	4293
15.	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Công trình giao thông	4212
16.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh (bao gồm: cây xanh, thảm cỏ)	0119

Điều 14. Công ty có những quyền hạn sau.

- Công ty có quyền quản lý, sử dụng, bảo toàn các nguồn vốn do Chủ sở hữu giao quản lý bao gồm: Tài sản, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý công ty theo quyết định của Chủ sở hữu nhằm tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty;

- Chủ động đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của Công ty;

- Kinh doanh những ngành nghề được ghi trong giấy phép kinh doanh;

- Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước;

- Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ, trừ

những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá;

- Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp bao gồm: Các phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Đầu tư, liên doanh, liên kết góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác với mục đích phát triển sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

- Tuyển chọn điều hành, bố trí sử dụng, đào tạo và đào tạo lại theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh; quyết định các hình thức trả lương theo quy định của Bộ luật Lao động và pháp luật hiện hành;

- Có quyền khen thưởng, đề nghị khen thưởng và xử lý vi phạm nội quy kỷ luật lao động theo quy định của Bộ luật Lao động;

- Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi công tác nước ngoài phù hợp với chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và các quy định của nhà nước sau khi được Chủ sở hữu chấp thuận;

- Được phép áp dụng các Luật, quy định chuyên ngành về cùng một vấn đề;

- Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong và ngoài nước theo quy định của nhà nước và quyết định của Chủ sở hữu;

- Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Công ty có những nghĩa vụ sau.

- Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước Nhà nước và Chủ sở hữu về kết quả sản xuất kinh doanh; chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp;

- Công ty có nghĩa vụ nhận và quản lý vốn, tài sản, đất đai và các nguồn lực khác do Chủ sở hữu giao để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh, dịch vụ đạt hiệu quả cao nhất, luôn bảo toàn và phát triển vốn;

- Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu của thị trường;

- Ký kết và tổ chức thực hiện các Hợp đồng kinh tế đã ký kết;

- Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động; Thoả ước lao động tập thể;

- Thực hiện các quy định của nhà nước về bảo vệ tài nguyên môi trường, an ninh quốc gia và công tác phòng chống cháy nổ;

- Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Tuân thủ các quy định về thanh tra, kiểm tra và kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Thực hiện các quy định của nhà nước về quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm

phát huy quyền làm chủ của tập thể cán bộ công nhân viên và các tổ chức đoàn thể trong hoạt động quản lý;

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 16. Công ty được tổ chức quản lý theo mô hình Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên.

Chủ tịch Công ty không kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

Điều 17. Chủ tịch công ty.

1. Chủ tịch công ty do Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

Chủ tịch công ty nhân danh Chủ sở hữu tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty; chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu và pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Chủ tịch Công ty là người đại diện theo pháp luật và là Chủ tài khoản Công ty.

2. Chủ tịch công ty có quyền và nhiệm vụ sau:

a. Tổ chức xây dựng và quyết định chiến lược phát triển; kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng quý, hàng năm của công ty;

b. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của công ty; các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty tại thời điểm gần nhất;

c. Quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty TNHH Một thành viên; các đơn vị trực thuộc công ty mẹ; các chi nhánh, các văn phòng đại diện của công ty mẹ ở trong nước và ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

d. Quyết định các phương án huy động vốn có giá trị không vượt quá giá trị vốn điều lệ hoặc không vượt quá mức giá trị tối đa quy định tại Điều lệ công ty;

đ. Quyết định cơ cấu tổ chức, phương án tổ chức kinh doanh, quy chế quản lý nội bộ công ty, biên chế bộ máy quản lý;

e. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc công ty. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng (phó) các phòng, ban, Giám đốc (Phó giám đốc) các xí nghiệp, Đội trưởng (Đội phó) các đội và các chức danh quản lý khác của công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

g. Kiểm tra, giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình, trong những trường hợp đặc biệt thay Tổng Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty.

h. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án sử dụng lợi nhuận sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty; phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của Chính phủ;

i. Đề nghị Chủ sở hữu công ty chấp thuận các vấn đề quan trọng của công ty quy định tại Điều lệ công ty;

k. Tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ sở hữu công ty;

l. Báo cáo Chủ sở hữu công ty kết quả và tình hình hoạt động kinh doanh của công ty;

m. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Quyết định của Chủ tịch công ty về các vấn đề sau đây phải được Chủ sở hữu công ty chấp thuận:

a. Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của công ty; việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh của công ty;

b. Phê duyệt các dự án đầu tư; hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác trên mức quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này;

c. Các quyết định quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này; góp vốn đầu tư vào công ty khác; thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của công ty;

d. Quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

đ. Phê duyệt báo cáo quyết toán; phương án sử dụng lợi nhuận sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty; phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh;

e. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc;

g. Các vấn đề khác quy định tại Điều lệ công ty.

4. Chủ tịch công ty phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định như sau:

a. Thường trú tại Việt Nam. Chủ tịch Công ty phải là công dân Việt Nam;

b. Tốt nghiệp đại học và có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Chủ tịch Công ty phải có kinh nghiệm ít nhất ba năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính của công ty;

c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp

luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

d. Không là cán bộ lãnh đạo trong bộ máy nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại doanh nghiệp thành viên;

đ. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại các Điểm b, c, đ, e, g Khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

e. Tiêu chuẩn khác quy định tại Điều lệ công ty.

5. Chủ tịch Công ty do Chủ sở hữu công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Công ty được quy định không quá 5 năm. Chủ tịch Công ty có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

6. Chủ tịch Công ty bị miễn nhiệm và được thay thế trong những trường hợp sau:

a. Báo cáo không trung thực tình hình tài chính công ty từ hai lần trở lên hoặc một lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Công ty.

b. Để Công ty thua lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng giữa hai năm lỗ có một năm lãi hoặc hoà vốn, trừ các trường hợp: lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận; những năm mới hoạt động sau khi đầu tư mới, đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ mà trong báo cáo khả thi xác định bị lỗ.

c. Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế do Điều lệ công ty quy định; trong trường hợp này Kiểm soát viên có quyền đề nghị Chủ sở hữu bổ sung, thay thế Chủ tịch Công ty;

d. Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

đ. Xin từ chức;

e. Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

g. Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác;

h. Trong thời hạn 03 năm khi công ty không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Chủ sở hữu giao mà không giải trình được nguyên nhân khách quan và được Chủ sở hữu chấp nhận;

7. Chủ tịch Công ty phải cùng chịu trách nhiệm trước người ra quyết định bổ nhiệm và pháp luật về các quyết định của Chủ tịch Công ty gây thiệt hại cho công ty và Chủ sở hữu công ty; Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 72 Luật Doanh nghiệp. Cụ thể là các nghĩa vụ sau:

a. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu công ty;

c. Trung thành với lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân;

d. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty;

đ. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

8. Chế độ làm việc của Chủ tịch công ty thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Doanh nghiệp.

Điều 18. Tổng Giám đốc công ty.

1. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty phù hợp với Điều lệ công ty; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch công ty và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ Tổng Giám đốc không quá 5 năm.

2. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

a. Tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ sở hữu và Chủ tịch công ty;

b. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và Phương án đầu tư của công ty;

d. Ban hành quy chế quản lý nội bộ công ty;

đ. Đề nghị với Chủ tịch Công ty việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu và Chủ tịch công ty).

e. Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;

f. Tuyển dụng lao động theo quy định của Bộ Luật lao động;

g. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;

h. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Chủ sở hữu và Chủ tịch công ty;

i. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

k. Đối với các đơn vị thành viên, Tổng Giám đốc có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

k.1) Xây dựng phương án phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị thành viên trình Chủ tịch công ty; tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh chung, kế

hoạch đầu tư giữa các đơn vị thành viên;

k.2) Kiểm tra các đơn vị thành viên thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong nội bộ nhóm công ty hoặc tập đoàn;

k.3) Báo cáo Chủ tịch Công ty đề nghị Chủ sở hữu quyết định cử người đại diện phần vốn góp của công ty ở doanh nghiệp khác.

l. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ công ty, hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Chủ tịch công ty.

3. Tổng Giám đốc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 72 Luật Doanh nghiệp như sau:

a. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu công ty;

c. Trung thành với lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân;

d. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty;

đ. Không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;

e. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty và hợp đồng ký với Chủ tịch công ty.

4. Tổng Giám đốc phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điểm 3, Điều 70 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của Nhà nước đối với doanh nghiệp 100% vốn thuộc sở hữu Nhà nước.

5. Việc bổ nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan về công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 19. Kiểm soát viên.

1. Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm 01 (một) Kiểm soát viên chuyên trách với nhiệm kỳ không quá 03 (ba) năm. Kiểm soát viên không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoặc là người có liên quan đến người quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định tại các Điểm a, c và đ Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp như sau:

a. Là cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người

quản lý đó đối với công ty con.

b. Là người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp.

c. Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý doanh nghiệp hoặc của thành viên Hội đồng thành viên.

2. Kiểm soát viên có nhiệm vụ sau đây:

a. Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch công ty hoặc Tổng Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền Chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của công ty;

b. Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình chủ sở hữu công ty hoặc cơ quan nhà nước có liên quan; trình chủ sở hữu công ty báo cáo thẩm định;

c. Kiến nghị Chủ sở hữu công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của công ty;

d. Các nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ công ty hoặc theo yêu cầu, quyết định của Chủ sở hữu công ty;

3. Kiểm soát viên có quyền xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty. Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

4. Kiểm soát viên có quyền sử dụng con dấu của công ty để thực hiện nhiệm vụ do pháp luật và Điều lệ công ty quy định đối với Kiểm soát viên.

5. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện như sau:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Không phải là người có liên quan của Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên.

- Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty hoặc tiêu chuẩn điều kiện khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 20. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

1. Số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty là 01 người, là Chủ tịch Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty:

a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công

ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú tại Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

c. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Điểm b Khoản 2 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây:

Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi chủ sở hữu Công ty quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

d. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì chủ sở hữu công ty cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty

a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

a.1) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty;

a.2) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

a.3) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này.

Chương VI

THỂ THỨC THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY, NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 21. Công ty có quyền khiếu nại, khiếu kiện theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo để bảo vệ quyền lợi công ty trước pháp luật.

Điều 22. Mọi khiếu nại liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ sở hữu

do Chủ sở hữu giải quyết. Nếu Chủ sở hữu giải quyết không thoả đáng thì người tố tụng mới có quyền yêu cầu Toà án can thiệp.

Điều 23. Công ty có quyền bình đẳng với mọi pháp nhân hoặc thể nhân khác khi có tranh chấp hay tố tụng trước pháp luật.

Điều 24. Mọi tranh chấp, khiếu kiện về các hợp đồng kinh tế giữa Công ty với các đơn vị sản xuất, kinh doanh khác được giải quyết bằng thương thảo, đàm phán trực tiếp giữa hai bên hoặc tại Toà án kinh tế theo nội dung trong Hợp đồng ký kết.

Điều 25. Quan hệ công tác giữa Chủ tịch Công ty và Tổng Giám đốc trong việc thông qua quyết định và giải quyết tranh chấp nội bộ.

1. Trong quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty nếu phát hiện những vấn đề không có lợi cho công ty thì Tổng Giám đốc phải báo cáo với Chủ tịch công ty để xem xét điều chỉnh nghị quyết, quyết định. Trường hợp Chủ tịch công ty không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

2. Hàng tháng, quý, năm Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và phương hướng thực hiện trong thời gian tới cho Chủ sở hữu và Chủ tịch công ty.

3. Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban chức năng, các đơn vị trực thuộc khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ công ty và theo pháp luật.

Chương VII.

CHẾ ĐỘ THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT VIÊN.

Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên.

Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc (Giám đốc lĩnh vực), Kiểm soát viên, Kế toán trưởng của công ty hưởng chế độ thù lao, tiền lương và lợi ích khác quy định tại Điều 26 Nghị định số 25/2010/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

1. Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc (Giám đốc lĩnh vực), Kế toán trưởng, Kiểm soát viên chuyên trách, hưởng chế độ lương theo năm. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc (Giám đốc lĩnh vực), Kế toán trưởng, Kiểm soát viên hưởng chế độ thưởng theo nhiệm kỳ. Mức tiền lương và tiền thưởng tương ứng với kết quả, hiệu quả kinh doanh của công ty và kết quả hoạt động quản lý, điều hành hoặc kiểm soát.

Quý 1 hàng năm, Công ty có trách nhiệm xây dựng đơn giá tiền lương và báo cáo Chủ sở hữu cho ý kiến trước khi Chủ tịch Công ty quyết định; xây dựng, trình Chủ sở hữu thẩm định quỹ tiền lương của Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc,

các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên.

2. Chế độ chi trả tiền lương, tiền thưởng như sau:

a. Hàng tháng Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc (Người đứng đầu các đơn vị trực thuộc), Kế toán trưởng, Kiểm soát viên chuyên trách được tạm ứng 70% của số tiền lương tạm tính cho tháng đó; số 30% còn lại chỉ được quyết toán và chi trả vào cuối năm. Hàng năm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc (Người đứng đầu các đơn vị trực thuộc), Kế toán trưởng, Kiểm soát viên chuyên trách được tạm ứng 70% tổng số tiền thưởng của năm; số 30% còn lại chỉ được quyết toán và chi trả sau khi kết thúc nhiệm kỳ;

b. Số 30% tiền lương và tiền thưởng còn lại được chi trả cho các đối tượng tương ứng nêu trên căn cứ vào quy chế quản lý tài chính công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và quy chế giám sát, đánh giá đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc (Giám đốc lĩnh vực), Kế toán trưởng, Kiểm soát viên chuyên trách công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Bộ Tài chính ban hành.

Trường hợp kết quả xếp loại doanh nghiệp và kết quả đánh giá về quản lý, điều hành hoặc kiểm soát của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc (Giám đốc lĩnh vực), Kế toán trưởng, Kiểm soát viên chuyên trách không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại quy chế quản lý tài chính và quy chế giám sát, đánh giá, thì Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc (Giám đốc lĩnh vực), Kế toán trưởng, Kiểm soát viên chuyên trách sẽ không được quyết toán 30% số tiền lương năm (đối với các đối tượng hưởng lương) và không được hưởng 30% số tiền thưởng còn lại của nhiệm kỳ.

Chương VIII.

TẬP THỂ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 27. Hình thức tham gia quản lý Công ty của người lao động.

Đại hội toàn thể người lao động hoặc Đại hội đại biểu người lao động của Cụng ty là hình thức để người lao động trực tiếp tham gia quản lý Công ty. Người lao động trong Công ty thông qua Đại hội toàn thể người lao động hoặc Đại hội đại biểu người lao động của Công ty hoặc Tổ chức công đoàn Công ty thực hiện các quyền sau:

1. Tham gia thảo luận xây dựng Thoả ước lao động tập thể làm cơ sở để người đại diện tập thể lao động thương lượng và ký kết với Tổng Giám đốc.

2. Thảo luận, thông qua Quy chế sử dụng các quỹ có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người lao động.

3. Thảo luận, góp ý kiến về quy hoạch, kế hoạch, đánh giá hiệu quả quản lý kinh doanh, đề xuất các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của Công ty.

4. Đại hội toàn thể người lao động hoặc Đại hội đại biểu người lao động được tổ chức theo hướng dẫn của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và Liên đoàn lao động thành phố Hải Phòng.

5. Thực hiện quyền kiến nghị, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Chương IX

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH, DỊCH VỤ.

Điều 28. Chế độ tài chính - kế toán của Công ty.

1. Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước Hải Phòng thực hiện chế độ kế toán, báo cáo kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định quản lý tài chính đối với doanh nghiệp 100% vốn sở hữu thuộc Nhà nước do pháp luật quy định và các văn bản về tài chính có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hoạt động kinh doanh của Công ty thực hiện theo cơ chế thị trường, bảo đảm kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của chủ sở hữu tại doanh nghiệp.

Trường hợp Công ty có hoạt động kinh doanh, dịch vụ công ích theo chỉ định của Uỷ ban nhân dân thành phố sẽ được ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí theo quy định của Bộ, ngành và Uỷ ban nhân dân thành phố. Các quy định về hỗ trợ chi phí trên phải bảo đảm chi phí tối thiểu về tiền lương của người lao động, nguyên, nhiên vật liệu, chi phí quản lý điều hành doanh nghiệp và một phần lợi nhuận.

2. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

3. Công ty phải chấp hành pháp luật về kế toán, kiểm toán, thống kê và các văn bản pháp quy hiện hành khác về tài chính của Nhà nước.

4. Chủ tịch Công ty xem xét thông qua quyết toán tài chính năm để báo cáo Uỷ ban nhân dân thành phố và các cơ quan có liên quan theo chế độ Nhà nước quy định.

Điều 29. Phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ.

1. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập qũy của công ty thực hiện theo quy định quản lý tài chính đối với doanh nghiệp 100% vốn sở hữu thuộc Nhà nước do pháp luật quy định và các văn bản về tài chính có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

2. Trường hợp Công ty có hoạt động kinh doanh, dịch vụ công ích theo chỉ định của Uỷ ban nhân dân thành phố, việc phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ sẽ đươc Uỷ ban nhân dân thành phố xem xét trên cơ sở các quy định về hỗ trợ chi phí được ngân sách nhà nước cấp nhưng phải phù hợp với quy định quản lý tài chính hiện hành.

Điều 30. Trong trường hợp công ty kinh doanh thua lỗ.

1. Chủ tịch công ty báo cáo Chủ sở hữu xem xét, cho ý kiến để thực hiện theo các hình thức sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau.

- Đề xuất các biện pháp để khắc phục có hiệu quả tình trạng thua lỗ trong khuôn khổ quy định của điều lệ công ty và quy định của luật pháp hiện hành.

2. Trường hợp Công ty kinh doanh, dịch vụ thua lỗ từ 2 đến 3 năm liên tục thì Chủ tịch Công ty phải xây dựng đề án khắc phục báo cáo Uỷ ban nhân dân thành phố xem xét, đồng thời tiến hành xử lý Tổng Giám đốc theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Chương X.

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN

Điều 31. Tổ chức lại, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, trình tự thủ tục thanh lý tài sản Công ty.

Việc tổ chức lại, chuyển đổi hình thức sở hữu và giải thể Công ty TNHH Một thành viên Thoátt nước Hải Phòng do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Trình tự thủ tục giải thể thực hiện theo Điều 158 Luật Doanh nghiệp

Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản: Khi có quyết định giải thể, Chủ sở hữu công ty lập tổ thanh lý tài sản công ty theo thời gian quy định và thể lệ tài chính hiện hành.

Điều 32. Phá sản.

Trong trường hợp công ty lâm vào tình trạng khó khăn hoặc bị thua lỗ, sau khi đã áp dụng đủ các biện pháp tài chính cần thiết, nhưng vẫn mất khả năng thanh toán nợ thì xử lý theo quy định của Luật Phá sản doanh nghiệp.

Chương XI.

CON DẤU VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG CON DẤU

Điều 33. Con dấu là tài sản của Công ty được khắc theo quy định của luật pháp Việt Nam. Trước khi sử dụng phải đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, Công chứng Nhà nước và Ngân hàng.

Điều 34. Con dấu của Công ty được quản lý bảo quản tại trụ sở Công ty. Tổng Giám đốc điều hành công ty phải chịu trách nhiệm giữ gìn an toàn con dấu của công ty.

Chương XII.

THỂ THỨC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Điều 35. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Trong quá trình tổ chức hoạt động, Công ty được sửa đổi, bổ sung Điều lệ. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp

có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XIII.

QUẢN LÝ, GIÁM SÁT CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 36. Nội dung quản lý, giám sát của chủ sở hữu là Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng thực hiện quản lý, giám sát những nội dung sau đây đối với Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước Hải Phòng:

1. Về thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng hoạt động:

a. Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh chủ yếu, chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính của công ty;

b. Danh mục đầu tư, việc đầu tư vào các ngành nghề kinh doanh chính, những ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn, dự án có nguy cơ rủi ro cao;

c. Nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

d. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ do Uỷ ban nhân dân thành phố giao.

2. Về vốn và tài chính:

a. Việc bảo toàn và phát triển vốn của công ty;

b. Tình hình đầu tư, nợ và khả năng thanh toán nợ của công ty;

c. Kết quả hoạt động tài chính, hiệu quả kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước;

d. Tổng quỹ tiền lương thực hiện của công ty; tốc độ tăng tiền lương bình quân so với tốc độ tăng năng suất lao động của công ty;

đ) Tăng hoặc chuyển nhượng một phần vốn điều lệ công ty.

3. Về tổ chức và cán bộ:

a. Việc tổ chức lại, giải thể, phá sản công ty; chuyển đổi hình thức pháp lý của công ty; sửa đổi điều lệ công ty; thành lập công ty con và thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của công ty;

b. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, mục tiêu, nhiệm vụ hoặc hợp đồng quản lý công ty, chế độ lương, thưởng, thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoạt động của Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chế độ lương, thưởng, thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoạt động của Tổng Giám đốc công ty.

4. Việc chấp hành các quyết định của Uỷ ban nhân dân thành phố và Điều lệ công ty.

5. Những nội dung khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật

có liên quan.

Điều 37. Chế độ thông tin, báo cáo của Chủ tịch công ty và trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân thành phố trong giải quyết kiến nghị của Chủ tịch công ty.

1. Chế độ thông tin, báo cáo của Chủ tịch công ty với Uỷ ban nhân dân thành phố:

a. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày kết thúc quý, năm, Chủ tịch công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh theo quy định tại Khoản 14 Điều 20 Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/03/2010 của Chính phủ và dự kiến phương hướng thực hiện trong kỳ tới của công ty;

b. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định, Chủ tịch công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản về quyết định của Chủ tịch công ty về cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty; về thang, bảng lương, đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động và cán bộ quản lý, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng Giám đốc; các vấn đề phải được chủ sở hữu công ty chấp thuận quy định tại Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/03/2010 của Chính phủ.

2. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch công ty thì Chủ sở hữu phải quyết định bằng văn bản phê duyệt hoặc trả lời công ty đối với các vấn đề sau đây:

a. Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của công ty; việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh chính của công ty;

b. Phê duyệt các dự án đầu tư; hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác trên mức quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 27 Nghị định số 25/2010/NĐ-CP (Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của công ty; các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty.

c. Các quyết định quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 27 Nghị định số 25/2010/NĐ-CP (Quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu của các công ty con để công ty mẹ nắm 100% vốn điều lệ; các đơn vị trực thuộc công ty mẹ; các chi nhánh, các văn phòng đại diện của công ty mẹ ở trong nước và ở nước ngoài theo quy định của pháp luật); góp vốn đầu tư vào công ty khác; thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của công ty;

d. Quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

đ. Phê duyệt báo cáo quyết toán; phương án sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty; phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh;

e) Quyết định việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ công ty;

g) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc;

h) Các vấn đề khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Chương XIV.
HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ.

Điều 38. Hiệu lực.

Điều lệ này gồm 14 Chương, 38 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ sở hữu Công ty phê duyệt và thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 1944/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT **CHỦ TỊCH CÔNG TY**	**CHỦ SỞ HỮU** **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **KT. CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH**
Phạm Quang Quỳnh	**Nguyễn Văn Thành**